

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+CTK3+CLO	7:25	2+2+17	0+0+0		0+3+18	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TỪ CTK3-CLO
2		RP3+P8+JS2	7:25	3+1+15	0+0+0		0+1+21	0+0+0	CHUYEN 3 PAX P8-JS2(TTC3)
3		RC5+BK4+TD1	9:25	0+0+16	0+0+0		0+6+16	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ RC5-BK4
4		P10+P5+TD1+TD3	9:25	11+0+6+4	0+0+0+0		0+6+3+5	0+0+0+0	
5		P6	17:25	0	0		0	0	BAY HUẤN LUYỆN

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2018	TO: PVD2 - CTK3 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - Trường	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH HIẾU	PVD2	67	1	9		68	NIPI	Vietnamese
2	LÊ HAI DUONG	PVD2	69	1	10	21	80	T-TIN	Vietnamese
3	SAKHIBGAREEV R	PVD2	68	1	5		96	NIPI	Russian
4	NGUYỄN HỮU LONG	CTK3	23	1	8	18	71	KH-THAC	Vietnamese
5	DANG THANH HOANG	CTK3	25	1	5		74	SANBAY	Vietnamese
6	ĐINH XUÂN PHU	CLO	39	1	5	20	73	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN PHU	CLO	46	1	6		75	YTE	Vietnamese
8	PHAN QUANG HIỀN	CLO	45	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	47	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
10	BUI XUÂN DUY	CLO	55	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
11	PHUNG BA TUAT	CLO	40	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG BAO	CLO	52	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO TRƯỜNG GIANG	CLO	51	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
14	LAM XUÂN TU	CLO	53	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN ĐĂNG	CLO	54	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	57	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN MINH TUÂN	CLO	43	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU THANH	CLO	48	1	7		62	NHA THAU	Vietnamese
19	LE VAN THANH	CLO	41	1	10		64	NHA THAU	Vietnamese
20	PHAICHIT KOSONKARN	CLO	49-50	2	15		74	NHA THAU	Thailand
21	NGUYỄN HỒNG PHUOC	CLO	42	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
22	PHẠM MINH ĐỨC	CLO	44	1	5		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

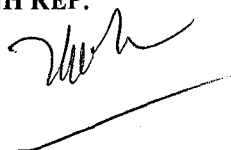
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	3	3	24	244	21	0		CHUYEN 3 PAX TU CTK3 SANG CLO
2	CTK3	2	2	13	145	18	3	3	
3	CLO	17	18	100	1.190	20	18		
TOTAL		22	23	137	1.579	59	21		
WEIGHT KG				137	1.579	59			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

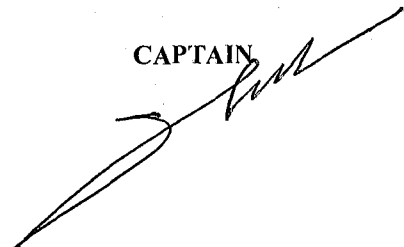
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2018	TO: RP3 - P8 - JS2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ DUY NGỌC	RP3	84	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC QUANG	RP3	93	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN PHUC SANG	RP3	81-82	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN KÝ	P8	20	1	8	95	65	YTE	Vietnamese
5	MICHAEL PATRICK	JS2	56	1	5		82	KHOAN	Indian
6	TRAN VAN TIEP	JS2	57	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
7	VO LE DUY TAN	JS2	52	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH KIM LONG	JS2	55	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC DOAN	JS2	53	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
10	DINH CAO CUONG	JS2	59	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	60-61	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM	JS2	58	1	5	50	75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC LÊ	JS2	62	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC ĐẠI	JS2	66	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	BELAEV S.A.	JS2	54	1	10		86	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN TIEN QUY	JS2	63-64	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN TÂM	JS2	68	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN HIỆU	JS2	67	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN LÊ ĐĂNG QUANG	JS2	65	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	3	4	37	197	0	0		CHUYEN 03 PAX TU P8 SANG JS2
2	P8	1	1	8	65	95	1	3	
3	JS2	15	17	118	1.059	50	21		
TOTAL		19	22	163	1.321	145	22		
WEIGHT KG				163	1.321	145			

GRAND TOAL: 1.629 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2018	TO: RC5 - BK4 - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - Trường	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN LUAN	TD1	26	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
2	SMAKOV A.A	TD1	37	1	15		80	KHOAN	Russian
3	TRAN MANH HUNG	TD1	32	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DINH NAM	TD1	33	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG HUNG	TD1	27	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN THANH TUAT	TD1	30	1	10		54	KHOAN	Vietnamese
7	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	28	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
8	NINH DUC THUAT	TD1	31	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN HUY QUANG	TD1	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUANG LUONG	TD1	25	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN MANH TIET	TD1	24	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
12	VU QUY VINH	TD1	38-39	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HOA	TD1	29	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN QUYET	TD1	23	1	7		86	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CONG KHANH	TD1	35	1	5		84	NHA THAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	0	0	0	0	10	0 + 4		CHUYEN 4 PAX RC5 SANG BK4
2	BK4	0	0	0	0	30	6		
3	TD1	15	16	99	1.093	0	16		
TOTAL		15	16	99	1.093	40	22		
WEIGHT KG				99	1.093	40			

GRAND TOAL: 1.232 KGS

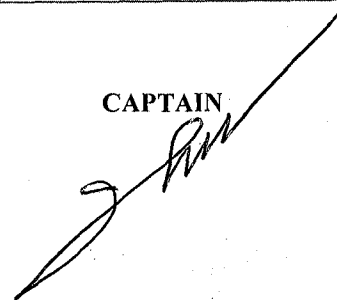
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2018	TO: P10 - P5 - TD1 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Vũ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN KHUU	P10	54	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
2	LUU QUANG DAT	P10	65	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ ANH TUÂN	P10	66	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ TRUONG CHINH	P10	62-63	2	15		55	PVE	Vietnamese
5	BUI CONG TRINH	P10	55	1	7	85	65	PVE	Vietnamese
6	PHAM HUY TAN	P10	59	1	7		54	PVE	Vietnamese
7	PHAM THANH TUNG	P10	57	1	10		82	PVE	Vietnamese
8	BUI VAN HA	P10	64	1	7		68	PVE	Vietnamese
9	NGUYEN HUU THANG	P10	60	1	6		57	PVE	Vietnamese
10	LÊ CAO CUONG	P10	58	1	7		62	PVE	Vietnamese
11	ĐO VAN CUONG	P10	56	1	6		70	PVE	Vietnamese
12	NGUYEN CHI LINH	P10	61	1	6		74	PVE	Vietnamese
13	ĐẶNG TIEN TOAN	TD1	79-80	2	11		70	CODIEN	Vietnamese
14	YANCHENKO	TD1	83	1	15		78	ANTOAN	Russian
15	VU NGOC TIEN	TD1	85-86	2	17		70	DVL	Vietnamese
16	CHU DINH THANH	TD1	84	1	6		52	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG HOAN	TD1	81	1	10		77	DVL	Vietnamese
18	BUI ĐỨC TRUNG	TD1	82	1	10		55	DVL	Vietnamese
19	LÊ TRUNG HIẾU	TD3	03-04	2	17		63	NHA THAU	Vietnamese
20	ĐỖ LÊ PHƯƠNG VU	TD3	05-06	2	17		57	NHA THAU	Vietnamese
21	CAO VĂN DUNG	TD3	01	1	8		65	NHA THAU	Vietnamese
22	LƯƠNG ĐỨC HÙNG	TD3	02	1	9		58	NHA THAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	12	13	97	789	85	0		
2	P5	0	0	0	0	20	6		
3	TD1	6	8	69	402	0	3		
4	TD3	4	6	51	243	0	5		
TOTAL		22	27	217	1.434	105	14		
WEIGHT KG				217	1.434	105			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

